

Số: /QĐ-BNN-PCTT Hà Nội, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án thành phần số 9: Tu bổ xung yếu hệ thống đê điều
tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2025 thuộc dự án Tu bổ xung yếu
hệ thống đê điều giai đoạn 2021-2025**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019; Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ văn bản số 419/TTg-KTTH ngày 02/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ giao dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 3379/QĐ-BNN-KH ngày 26/7/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về chủ trương đầu tư dự án Tu bổ xung yếu hệ thống đê điều giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 3097/QĐ-BNN-KH ngày 16/8/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Tu bổ xung yếu hệ thống đê điều giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 581/TTr-BQL-TĐ ngày 17/8/2022 của Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 1 đề nghị thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án thành phần số 9: Tu bổ xung yếu hệ thống đê điều tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2025 thuộc dự án Tu bổ xung yếu hệ thống đê điều giai đoạn 2021-2025, kèm theo văn bản số 398/VKTCT-BCTT ngày 17/8/2022 của Viện Kỹ thuật công trình về việc Báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án thành phần số 9: Tu bổ xung yếu hệ thống đê điều tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Phòng, chống thiên tai (kèm theo Báo cáo kết quả thẩm định số 33/BC-PCTT-QLĐĐ ngày 19/8/2022 của Tổng cục Phòng, chống thiên tai).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án thành phần số 9: Tu bổ xung yếu hệ thống đê điều tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2025 với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án thành phần:

Dự án thành phần số 9: Tu bổ xung yếu hệ thống đê điều tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2025.

2. Thuộc dự án: Tu bổ xung yếu hệ thống đê điều giai đoạn 2021-2025.

3. Người quyết định đầu tư: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thanh Hóa.

5. Mục tiêu đầu tư xây dựng:

Nâng cấp đê, xử lý các trọng điểm xung yếu trên các tuyến đê, hoàn thiện mặt cắt thiết kế đê theo quy hoạch để đáp ứng yêu cầu trước mắt cũng như từng bước tăng cường khả năng chống lũ, bão của hệ thống đê điều, dần xóa các trọng điểm đê điều xung yếu, đảm bảo yêu cầu chống lũ, bão thiết kế, kết hợp giao thông góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

6. Quy mô đầu tư xây dựng:

Tu bổ, nâng cấp đê hữu Mã đoạn từ K50+000-K51+500, K56+060-K57+500; đê hữu Lèn đoạn từ K11+100-K13+310, K15+620-K16+420; đê tả Lèn đoạn từ K10+050-K12+820, K13+350-K14+000, K18+920-K19+476, K19+920-K24+000; đê hữu Lạch Trường đoạn từ K5+573-K8+690; đê tả Lạch Trường đoạn từ K0+000-K1+200, K1+580-K2+250, K8+620-K9+230, K9+387-K15+800 với tổng chiều dài 26,20 km.

7. Tổ chức tư vấn lập khảo sát xây dựng, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Liên danh Trung tâm chính sách và Kỹ thuật phòng chống thiên tai - Công ty cổ phần tư vấn xây dựng và chuyển giao công nghệ Thăng Long 12.

8. Địa điểm xây dựng: Huyện Hậu Lộc, huyện Hà Trung, huyện Nga Sơn, huyện Hoằng Hóa, thành phố Sầm Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

9. Loại, nhóm dự án, cấp công trình:

- Loại, nhóm dự án: Công trình đê điều, nhóm B.
- Cấp công trình: Đê cấp I, cấp II và cấp III.

10. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- a) Số bước thiết kế: Thiết kế 02 bước.

b) Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- TCVN 12845:2020 - Công trình thủy lợi - Thành phần, nội dung lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo nghiên cứu khả thi và Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

- TCVN 9902:2016 - Công trình Thủy lợi - Yêu cầu thiết kế đê sông.

- TCVN 9165:2012 - Công trình Thủy lợi - Yêu cầu kỹ thuật đắp đê.

- TCVN 4253:2012 - Nền các công trình thủy công - Tiêu chuẩn thiết kế

- TCVN 4116:1985 - Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép thủy công - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 4054:2005 - Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế.

11. Phương án xây dựng:

- Đê hữu Mã đoạn từ K50+000-K51+500, K56+060-K57+500; đê hữu Lèn đoạn từ K11+500-K12+760, K15+620-K16+420; đê tả Lèn đoạn từ K10+050-K12+200, K18+920-K19+476, K19+920-K24+000; đê tả Lạch Trường đoạn từ K8+620-K9+230, K9+387-K14+300: Đắp áp trúc tôn cao, mở rộng mặt đê bằng đất đắp đầm chặt đạt $K \geq 0,95$, kết hợp xây tường chắn sóng đỉnh đê phía sông bằng bê tông cốt thép M300, chiều rộng mặt đê $B=7m$, gia cố mặt đê bằng bê tông M300 dày 22cm, rộng 6,5m, móng gia cố cấp phối đá dăm dày 18cm, phía dưới lớp cấp phối đá dăm là lớp đất đắp dày 30cm, $K \geq 0,98$, lề đất phía đồng rộng 0,5m, trồng cỏ bảo vệ mái đê.

- Đê hữu Lèn đoạn từ K11+100-K11+500, K12+760-K13+310; đê tả Lèn đoạn từ K12+200-K12+820, K13+350-K14+000; đê tả Lạch Trường đoạn từ K0+000-K0+500, K0+600-K1+200, K1+580-K2+100: Đắp áp trúc tôn cao, mở rộng mặt đê bằng đất đắp đầm chặt đạt $K \geq 0,95$, chiều rộng mặt đê $B=7m$, gia cố mặt đê bằng bê tông M300 dày 22cm, rộng 6m, móng gia cố cấp phối đá dăm dày 18cm, phía dưới lớp cấp phối đá dăm là lớp đất đắp dày 30cm, $K \geq 0,98$, lề đất mỗi bên rộng 0,5m, trồng cỏ bảo vệ mái đê.

- Đê tả Lạch Trường đoạn từ K0+500-K0+600, K2+100-K2+250, K14+300-K15+800: Đắp áp trúc mở rộng mặt đê bằng đất đắp đầm chặt đạt $K \geq 0,95$, chiều rộng mặt đê $B=7m$, gia cố mặt đê bằng bê tông M300 dày 22cm, rộng 6m, phần nền mặt đê hiện trạng giữ nguyên, bù vênh bằng cấp phối đá dăm, phần nền mở rộng gia cố móng bằng cấp phối đá dăm dày 18cm, phía dưới là lớp đất đắp dày 30cm, $K \geq 0,98$, lề đất mỗi bên rộng 0,5m, trồng cỏ bảo vệ mái đê.

- Đê hữu Lạch Trường đoạn từ K5+573-K6+600, K7+100-K7+600; K8+100-K8+690: Đắp áp trúc tôn cao, mở rộng mặt đê bằng đất đắp đầm chặt đạt $K \geq 0,95$, kết hợp xây tường chắn sóng đỉnh đê phía sông bằng bê tông cốt thép M300, chiều rộng mặt đê $B=7m$, mặt đê gia cố bằng bê tông nhựa hạt trung dày 7cm, rộng 6,5m, móng gồm lớp cấp phối đá dăm loại 1 dày 15cm, loại 2 dày 20cm, phía dưới là lớp đất đắp dày 30cm, $K \geq 0,98$, lề đất phía đồng rộng 0,5m, trồng cỏ bảo vệ mái đê.

- Đê hữu Lạch Trường đoạn từ K7+600-K8+100: Đắp áp trúc mở rộng mặt đê bằng đất đắp đầm chặt đạt $K \geq 0,95$, kết hợp xây tường chắn sóng đỉnh đê phía sông bằng bê tông cốt thép M300, chiều rộng mặt đê $B=7m$, mặt đê gia cố bằng bê tông nhựa hạt trung dày 7cm, rộng 6,5m, phần nền mặt đê hiện trạng giữ nguyên, bù vênh bằng cấp phối đá dăm, phần nền mở rộng gia cố móng gồm lớp cấp phối đá dăm loại 1 dày 15cm, loại 2 dày 20cm, phía dưới là lớp đất đắp dày 30cm, $K \geq 0,98$, lề đất phía đồng rộng 0,5m, trồng cỏ bảo vệ mái đê.

- Đê hữu Lạch Trường đoạn từ K6+600-K7+100: Đắp áp trúc tôn cao, mở rộng mặt đê bằng đất đắp đầm chặt đạt $K \geq 0,95$, chiều rộng mặt đê $B=7m$, mặt đê gia cố bằng bê tông nhựa hạt trung dày 7cm, rộng 6,0m, móng gồm lớp cấp phối đá dăm loại 1 dày 15cm, loại 2 dày 20cm, phía dưới là lớp đất đắp dày 30cm, $K \geq 0,98$, lề đất mỗi bên rộng 0,5m, trồng cỏ bảo vệ mái đê.

- Xây dựng điểm canh đê thay thế điểm canh đê cũ bị hư hỏng, xuống cấp; lắp đặt các cột Km đê, biển báo; cải tạo, vuốt nổi, gia cố các dốc lên đê phù hợp với mặt cắt đê thiết kế.

12. Tổng mức đầu tư dự án thành phần số 9: 244.863.000.000 đồng
(Hai trăm bốn mươi bốn tỷ, tám trăm sáu mươi ba triệu đồng). Trong đó:

- Chi phí giai đoạn chuẩn bị dự án:	3.151.000.000 đồng.
- Chi phí giai đoạn thực hiện dự án:	241.712.000.000 đồng.
+ Chi phí xây dựng:	208.212.000.000 đồng.
+ Chi phí quản lý dự án:	3.284.000.000 đồng.
+ Chi phí Tư vấn đầu tư xây dựng:	8.557.000.000 đồng.
+ Chi phí khác:	3.619.000.000 đồng.
+ Chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng:	5.463.000.000 đồng.
+ Chi phí dự phòng:	12.577.000.000 đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

13. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách Trung ương do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.

14. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2022-2025.

15. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành.

16. Phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng:

- Phạm vi giải phóng mặt bằng bao gồm mặt bằng xây dựng công trình và diện tích đất phục vụ thi công.

- Phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng gồm: Bồi thường, hỗ trợ về đất; nhà ở và vật kiến trúc (nếu có), cây cối, hoa màu trên đất; các chính sách hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất theo quy định.

- Dự kiến kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng: 5,463 tỷ đồng.

17. Một số lưu ý trong giai đoạn sau:

- Kiểm tra, rà soát, bổ sung, cập nhật tài liệu khảo sát địa hình, địa chất đảm bảo phù hợp với hiện trạng và tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn hiện hành làm cơ sở thiết kế bản vẽ thi công, xác định dự toán xây dựng công trình phù hợp.
- Tổ chức tính toán, kiểm tra ổn định công trình theo quy định hiện hành để xác định cụ thể, chính xác hóa các thông số thiết kế mặt cắt đê (cao trình, hệ số mái, chiều dày kết cấu gia cố mặt đê, kích thước tường chắn...) và việc bố trí tuyến, đảm bảo kinh tế - kỹ thuật.
- Rà soát, xác định cụ thể số lượng, vị trí các công trình phụ trợ trên tuyến đê (cột Km, biển báo, điểm canh đê), các dốc lên xuống đê... cần cải tạo, nâng cấp và lựa chọn giải pháp phù hợp với mặt cắt đê thiết kế, đáp ứng yêu cầu quản lý, thuận lợi phục vụ dân sinh.
- Rà soát nguồn vật liệu, nhất là vật liệu đất đắp đê để lựa chọn đảm bảo chất lượng, giá thành, chi phí vận chuyển đến chân công trình, kinh tế - kỹ thuật.
- Lập tiến độ, biện pháp tổ chức thi công chi tiết, xây dựng chỉ dẫn kỹ thuật thi công, lựa chọn biện pháp và thiết bị thi công phù hợp đảm bảo an toàn, ổn định cho các tuyến đê được đầu tư nâng cấp.
- Tổ chức lập, phê duyệt Phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng và thực hiện đảm bảo tiến độ thi công xây dựng công trình.
- Chủ đầu tư chịu trách nhiệm rà soát kỹ về khối lượng thiết kế bản vẽ thi công; tính đúng đắn, hợp lý của việc áp dụng định mức, đơn giá xây dựng công trình; xây dựng, phê duyệt phương án đảm bảo an toàn chống lũ của đê trong quá trình thi công và tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa:

- Chỉ đạo các cơ quan chức năng có liên quan phối hợp chặt chẽ với Chủ đầu tư trong tổ chức thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng và trong quá trình thi công xây dựng công trình để đảm bảo tiến độ dự án.
- Chỉ đạo đơn vị quản lý, khai thác nhận bàn giao công trình hoàn thành trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa để quản lý, khai thác công trình theo quy định.

2. Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 1 có trách nhiệm bàn giao hồ sơ, tài liệu liên quan của giai đoạn lập báo cáo nghiên cứu khả thi cho Chủ đầu tư dự án.

3. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thanh Hóa thực hiện chức năng chủ đầu tư, chịu trách nhiệm triển khai các bước theo đúng quy định hiện hành.

4. Tổng cục Phòng, chống thiên tai là cơ quan chuyên môn về xây dựng, thực hiện chức năng quản lý nhà nước giúp Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Chủ đầu tư tổ chức quản lý, thực hiện dự án theo đúng các quy định hiện hành.

5. Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính và các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm xử lý các công việc liên quan đến quá trình thực hiện dự án theo chức năng nhiệm vụ được giao.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Vụ trưởng Vụ Tài chính, Tổng cục trưởng Tổng cục Phòng, chống thiên tai, Giám đốc Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 1, Chủ đầu tư và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ KHĐT;
- Bộ Tài chính;
- UBND tỉnh Thanh Hóa;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa;
- Sở NN&PTNT tỉnh Thanh Hóa;
- Các Vụ: Kế hoạch, Tài chính;
- Lưu: VT, PCTT (QLĐĐ, KHTC).(15b)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Hiệp